TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/DS-ST
Ngày: 16-7-2024
V/v: "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Đức

2. Ông Phan Vũ Anh Kiệt

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 360/2023/TLST-DS, ngày 27 tháng 11 năm 2023, về việc "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.G.T.T

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V.T.S., quận 3, thành phố H. C.M.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc;

Có chi nhánh là: Ngân hàng TMCP S.G.T.T – Chi nhánh B. T – PGD L.

Địa chỉ trụ sở: Số 25 Thống Nhất, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn H, Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh kiêm Trưởng Phòng giao dịch L. Có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: 11/5/15 KP 2A phường Đ.H.T, Quận 12, thành phố H. C. M.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Diệu H – sinh năm 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, đại diện nguyên đơn trình bày:**

Ngày 18/4/2023, bà Phạm Thị Diệu H có ký với Ngân hàng TMCP S.G.T.T – Chi nhánh B. T Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng – Các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng) đối với số thẻ 472074-4325 theo các nội dung sau:

Hạn mức sử dụng thẻ: 30.000.000 đồng; Mục đích: Tiêu dùng; Lãi suất: 2,77%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện khoản vay tiêu dùng góp đều gốc và lãi trên App Sacombank Pay số tiền 27.000.000 đồng, với số thẻ 211251-2652 và các giao dịch thẻ tín dụng với tổng số tiền là 2.810.716 đồng, số tiền lãi phí phát sinh từ khi sử dụng thẻ và khoản vay tiêu dùng trên App Sacombank Pay đến nay là 3.597.262 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà H đã được hoàn tiền theo chính sách ưu đãi thẻ số tiền 500.000 đồng. Tính đến ngày 16/7/2024, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền là 35.888.210 đồng. Trong đó nợ gốc: 29.210.000 đồng, nợ lãi: 6.678.210 đồng.

Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù, Ngân hàng đã yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán. Tuy nhiên, bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng TMCP S.G.T.T yêu cầu:

Buộc bà Phạm Thị Diệu H phải trả cho Ngân hàng TMCP S.G. T. T tổng số tiền 35.888.210 đồng. Trong đó nợ gốc: 29.310.000 đồng, nợ lãi: 3.597.262 đồng. Tại thời điểm khởi kiện và được toà thụ lý, do sai sót trong quá trình xuất sao kê tóm tắt dư nợ, Ngân hàng chưa áp dụng lãi suất quá hạn đối với khoản nợ vi phạm của bà H, dẫn đến yêu cầu bà H phải trả số tiền trong nội dung đơn khởi kiện chưa chính xác. Nay Ngân hàng thay đổi nợ gốc thực tế so với đơn khởi kiện cụ thể: nợ gốc: 29.210.000 đồng, phí lãi: 6.678.210 đồng, tổng cộng: 35.888.210 đồng tính đến ngày 16/7/2024 và bà H có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 17/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng; Bà H phải chịu tất cả án phí và các chi phí liên quan khác.

*** Bị đơn: Bà Phạm Thị Diệu H:**

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà H không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

* Kết quả xác minh tại địa phương: Bị đơn bà Phạm Thị Diệu H có đăng ký thường trú tại khu phố 6, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Bà H đã bán nhà

hơn 03 năm nay, hiện tại bà H không có người thân thích, địa phương không rõ thời điểm bà H trở về, bà H không thường xuyên sinh sống tại địa phương, hiện nay làm gì, ở đâu chưa xác định được.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Phạm Thị Diệu H phải trả cho Ngân hàng TMCP S.G.T. T, Chi nhánh B.T – Phòng giao dịch L số tiền tạm tính đến ngày 16/7/2024 là 35.888.210 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 29.210.000 đồng, lãi quá hạn: 6.678.210 đồng và bà H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. G. T. T yêu cầu bà Phạm Thị Diệu H trả nợ vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, phía bị đơn có địa chỉ tại khu phố 6, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn bà Phạm Thị Diệu H đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn bà Phạm Thị Diệu H không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án; Phía nguyên đơn cung cấp các tài liệu để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Ngày 18/4/2023, bà H có ký với Ngân hàng TMCP S. G. T. T – Chi nhánh B. T Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện Trung hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân

hàng), Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 472074-4325 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện khoản vay tiêu dùng góp đều gốc và lãi trên App Sacombank Pay số tiền 27.000.000 đồng, với số thẻ 211251-2652 và các giao dịch thẻ tín dụng với tổng số tiền là 2.810.716 đồng, số tiền lãi phí phát sinh từ khi sử dụng thẻ và khoản vay tiêu dùng trên App Sacombank Pay đến nay là 3.597.262 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà H đã được hoàn tiền theo chính sách ưu đãi thẻ số tiền 500.000 đồng. Tính đến ngày 16/7/2024, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền là 35.888.210 đồng. Trong đó nợ gốc: 29.210.000 đồng, nợ lãi: 6.678.210 đồng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Từ những căn cứ trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận: Buộc bà Phạm Thị Diệu H phải trả cho Ngân hàng TMCP S.G.T.T, Chi nhánh B.T – Phòng giao dịch L số tiền tạm tính đến ngày 16/7/2024 là 35.888.210 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 29.210.000 đồng, lãi quá hạn: 6.678.210 đồng và bà H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[4] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466 và 468 Bộ Luật dân sự 2015;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Phạm Thị Diệu H phải trả cho Ngân hàng TMCP S.G.T.T, Chi nhánh B.T – Phòng giao dịch L số tiền tạm tính đến ngày 16/7/2024 là 35.888.210 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 29.210.000 đồng, lãi quá hạn: 6.678.210 đồng và bà H có trách

nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng), nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Diệu H phải chịu 1.794.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S.G.T.T, Chi nhánh B. T – Phòng giao dịch L số tiền 823.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002254 ngày 24/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn